TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HSPT
Ngày 12-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các thẩm phán: Ông **Mai Xuân Thành.**

Ông **Nguyễn Tấn Long.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 11-3-2022 và ngày 12-3-2022, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 541/2021/TLPT-HS ngày 18-11-2021 đối với bị cáo **Lê T** cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 26-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Vũ Thị Thái H, sinh ngày 10-10-1987, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Chuyên viên Phòng Tổ chức, Công chức, Viên chức thuộc Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông V Đức H (đã chết) và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1954; chồng là Trịnh Văn H, sinh năm 1985 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06-8-2019, đến ngày 07-11-2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn D, sinh ngày 20-12-1963, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Phạm Văn N, sinh năm 1935 và bà Lê Thị T (đã chết); vợ là Đặng Thị Q, sinh năm 1965 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 29-8-1976, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng Văn phòng UBND tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1950 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1954; vợ là Lê Thị Phương T, sinh năm 1975 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn N, sinh ngày 30-12-1977, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức, Công chức, Viên chức thuộc Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Trần C và bà Lê Thị K (đều đã chết); vợ là Võ Thị P, sinh năm 1976 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01-11-2019, đến ngày 28-5-2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Bùi Văn N, sinh ngày 25-9-1986, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Cải cách hành chính thuộc Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Bùi Văn T, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1944; vợ là Nguyễn Thị Hà P, sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07-02-2020, đến ngày 02-8-2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Minh P, sinh ngày 06-4-1972, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục chăn nuôi và thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị P (đều đã chết); vợ là Võ Thị K O, sinh năm 1979 và có 03 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Đặng Thanh H, sinh ngày 01-01-1978, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Chánh văn phòng Thanh tra Nhà nước tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Đặng T và bà Lương

Thị H (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị T T, sinh năm 1978 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thông Minh T, sinh ngày 28-4-1979, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Chánh Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Nguyễn Thông T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1960; vợ là Nguyễn Thị T H, sinh năm 1979 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị Bạch T, sinh ngày 04-12-1985, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Hành chính và Bổ trợ thuộc Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1962 và bà Đặng Thị Minh L, sinh năm 1960; chồng là Trần Văn H, sinh năm 1988 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Lê Thị Kim H, sinh ngày 01-11-1971, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940; chồng là Đỗ Văn C, sinh năm 1966 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Các bị cáo không kháng cáo:*

1. Lê T, sinh ngày 09-8-1971, tại Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tổ chức, Công chức, Viên chức thuộc Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Lê T, sinh năm 1936 và bà V Thị T, sinh năm 1946; vợ là Nguyễn Thị X L, sinh năm 1976 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01-11-2019, đến ngày 28-5-2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Phạm Kỳ N, sinh ngày 15-10-1976, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Chánh Văn phòng Sở Y tế tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Phạm Đình N, sinh năm 1948 và bà Võ Thị

Minh N, sinh năm 1947; vợ là Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1980 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú.

3. Đặng Thị Q, sinh ngày 29-7-1965, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 08/10; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Đặng Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1944; chồng là Phạm Văn D, sinh năm 1963 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú.

4. Lê Công H, sinh ngày 20-4-1981, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp - Quy hoạch thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị K (đều đã chết); vợ là Văn Thị Giáng S, sinh năm 1985 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú.

5. Trần Doãn X, sinh ngày 19-9-1970, tại H Phòng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố Ninh Tịnh 5, Phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Trần Doãn Đ, sinh năm 1937 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1946; vợ là Nguyễn Thị Ty V, sinh năm 1971 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú.

6. Trần Quốc V, sinh ngày 20-12-1977, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Hành chính quản trị, Văn phòng UBND tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Trần Trọng Q, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1954; vợ là Phan Thị T H, sinh năm 1976 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú.

7. Trần Thanh S, sinh ngày 10-12-1978, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục kiểm lâm tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về đảng); con ông Trần Quốc T, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú.

8. Trần Trung T, sinh ngày 21-7-1976, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố T, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nghề nghiệp: Công chức - Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục bảo vệ môi trường thuộc Sở T nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về Đảng); con ông Trần N, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; vợ là Trần Thị T N, sinh năm 1981 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú.

- Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

***1.** Người bào chữa:*

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Thái H:

Luật sư **Ngô Minh T** - Văn phòng Luật sư Số 1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư **Từ Văn Q** và Luật Sư **Phạm T** - Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, đều có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D:

Luật sư **Từ Văn Q** - Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc K:

Luật sư **Trần Thị Như T** - Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N:

Luật sư **Đoàn Cửu V** - Công ty TNHH MTV K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thông Minh T:

Luật sư **Nguyễn Hương Q** - Công ty Luật TNHH MTV P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn N:

Luật sư **Phan Minh T** - Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư T phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

***2.** Nguyên đơn dân sự:*

Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản số 1337/SNV-VP ngày 23-9-2021): Ông **Lê Tấn Đ** - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên, vắng mặt không có lý do.

***3.** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

3.1. Chị **Nguyễn Ngọc K N**, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

3.2. Chị **Hoàng Lệ D**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

3.3. Anh **Nguyễn V T**, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

3.4. Chị **Đặng Thị K T**, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Chị **Nguyễn Thị Hà V**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

3.6. Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

3.7. Anh **Đinh Khắc T**, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

(Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại (96 người) không kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21-12-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Phú Yên ban hành Kế hoạch số 208/KH-UBND tuyển dụng công chức năm 2017-2018 tỉnh Phú Yên; trong đó, giao Sở Nội vụ tỉnh là cơ quan thường trực Hội đồng thi tuyển, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh và tổ chức biên soạn N hàng đề thi để tổ chức tuyển dụng công chức năm 2017-2018.

Thực hiện Kế hoạch trên, Sở Nội vụ đã tiếp nhận, kiểm tra 879 hồ sơ thí sinh đủ điều kiện tham gia dự thi. Ngày 23-3-2018, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 294/SNV-TCCCVC (kèm danh mục tài liệu từng nhóm ngành thi) gửi các sở, ban, ngành trong tỉnh đề nghị kiểm tra, rà soát về hiệu lực pháp lý đối với các danh mục tài liệu thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành và lựa chọn cử một công chức lãnh đạo, quản lý tham gia Ban ra đề thi xây dựng đề thi đối với môn Nghiệp vụ chuyên ngành.

Ngày 18-4-2018, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 765/QĐ-UBND thành lập Hội đồng thi tuyển công chức năm 2017-2018 tỉnh Phú Yên. Ông Trần Hữu T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng thi, ông Đặng Lê T - Chức vụ: Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch Hội đồng thi, ông Phạm Văn C - Chức vụ: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và ông Đào M - Chức vụ: Chánh Văn phòng UBND tỉnh làm Ủy viên. Lê T - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tổ chức, Công chức, Viên chức (sau đây viết tắt là TCCCVC) thuộc Sở Nội vụ là Ủy viên, kiêm Thư ký Hội đồng thi.

Từ tháng 3-2018 đến tháng 9-2018, Lê T là Trưởng phòng, Trần Văn N, Nguyễn Quốc T đều là Phó trưởng phòng, cùng với Trịnh Thị Huỳnh H, Vũ Thị Thái H,

Trần Thị D, Huỳnh Thị T P đều là Chuyên viên Phòng TCCCVC sưu tầm, xây dựng N hàng câu hỏi, đáp án môn thi các chuyên ngành. Các dữ liệu, tài liệu này được Lê T lưu giữ, bảo quản tại nơi làm việc. Ngày 12-7-2018, Sở Nội vụ mời Công chức của các sở, ban, ngành dự kiến là thành viên Ban ra đề thi đến Sở Nội vụ rà soát, thẩm định danh mục các tài liệu N hàng câu hỏi, đáp án đề thi do Sở Nội vụ cung cấp. Sau cuộc họp này, T cùng N, T, H, H, D và P đã tiến hành hoàn thiện, xây dựng thành bộ 10 đề thi Chuyên ngành của các nhóm ngành.

Ngày 23-7-2018, Phạm Văn D - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nội vụ được phân công làm Phó Chủ tịch Hội đồng thi thay ông Đặng Lê T (do chuyển công tác). Đầu tháng 10-2018, Lê T đề xuất với Phạm Văn D trưng tập Công chức các sở, ban, ngành dự kiến là thành viên Ban ra đề thi đến Sở Nội vụ hoàn chỉnh các bộ đề thi môn Chuyên ngành, nhưng D không đồng ý và chỉ đạo T sử dụng Công chức Phòng TCCCVC thuộc Sở Nội vụ thực hiện. Do đó, T đề xuất với D trưng tập Vũ Thị Thái H, Trần Thị D và Huỳnh Thị T P (không phải là những người được dự kiến là thành viên Ban ra đề thi) và được D đồng ý. Lê T nói lại cho Trần Văn N và Nguyễn Quốc T biết và thống nhất cùng H, D, P tham gia hoàn chỉnh, rút gọn còn 05 bộ đề thi. Quá trình hoàn chỉnh và rút gọn các bộ đề thi, T sử dụng 01 USB chép dữ liệu các bộ đề thi đưa cho N để N đưa cho T, H, H, D và P chép vào máy tính và in ra giấy để đọc, kiểm tra, hoàn chỉnh. Sau mỗi buổi làm việc, T yêu cầu N, T, H, H, D và P xóa hết dữ liệu các bộ đề thi trên máy tính, việc xóa dữ liệu đề thi trên máy tính do mỗi người tự thực hiện.

Ngày 12-10-2018, Chủ tịch Hội đồng thi ra quyết định thành lập Ban ra đề thi, phân công Phạm Văn D làm Trưởng ban, còn T, N, T, H cùng 18 thành viên khác công tác các sở, ban, ngành là Ủy viên. Phạm Văn D biết H, D và P không phải là Ủy viên Ban ra đề thi nhưng vẫn để T tiếp tục trưng tập H, D, P tham gia hoàn chỉnh các bộ đề thi. Ngày 13-10-2018 và ngày 14-10-2018, T, N, T, H, H, D và P hoàn chỉnh các bộ đề thi đã được rút gọn. Ngày 15-10-2018, T báo cáo D kết quả đã hoàn thành đề thi. D chỉ đạo T bảo quản đề thi đã in, USB, ổ cứng chứa dữ liệu bộ 05 đề thi.

Nguyễn Ngọc K là thí sinh dự thi, có quen biết Vũ Thị Thái H, nên K nhờ H giúp đỡ K trong kỳ thi, H đồng ý và bảo K lập Email để H gửi tài liệu liên quan đến kỳ thi tuyển cho K. Ngày 05-9-2018, K nhắn tin cho H địa chỉ Email kimlh4tn2@gmail.com. Ngày 06-9-2018, H đã sử dụng máy tính, có địa chỉ Email hoasnvpy@gmail.com gửi cho K dữ liệu danh mục tài liệu ôn tập. Từ tháng 9-2018 đến 01-2019, H nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại nói với K chỉ có T, N mới lo được cho K trong kỳ thi, người bình thường lấy 150.000.000 đồng, nhưng do K quen nên lấy 130.000.000 đồng và bảo K đưa tiền cho H để H đưa cho T, N để T, N lo cho K. Tin tưởng H, từ tháng 9-2018 đến 01-2019, K nhiều lần đưa cho H với tổng số tiền là 120.000.000 đồng, nhưng H không đưa tiền cho T và N.

Trong quá trình tham gia rút gọn các bộ đề thi, H đã sao chép 62 câu hỏi kèm đáp án môn Trắc nghiệm chuyên ngành và 30 câu hỏi kèm đáp án môn Viết chuyên ngành, nhóm ngành Hành chính Văn phòng từ USB T đưa. Lúc 09 giờ 20 phút ngày 07-10-2018, H đã sử dụng máy tính, Email hoasnvpy@gmail.com gửi cho K qua

Email kimlh4tn2@gmail.com. Khi các bộ đề thi đã được rút gọn, trong quá trình hoàn chỉnh, H đã sao chép dữ liệu từ USB T đưa và lúc 04 giờ 29 phút ngày 26-10-2018, H sử dụng máy tính và Email hoasnvpy@gmail.com gửi cho K qua Email kimlh4tn2@gmail.com bộ 05 đề thi, kèm đáp án môn Viết chuyên ngành Thanh tra. K đọc thấy không phải nhóm ngành K đăng ký thi, nên nói cho H biết. Đến 04 giờ 37 phút ngày 27-10-2018, H sử dụng máy tính và Email hoasnvpy@gmail.com gửi cho K qua Email kimlh4tn2@gmail.com bộ 05 đề thi kèm đáp án môn Viết chuyên ngành Hành chính văn phòng.

Ngày 02-11-2018, Hội đồng thi thành lập Tổ nhân đề gồm 09 thành viên, do bà Nguyễn Thị Ngọc A - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo làm Tổ trưởng, Vũ Thị Thái H và 07 thành viên khác làm Ủy viên. Tổ giúp việc do Trần Văn N làm Tổ trưởng và 20 thành viên khác làm Tổ viên, Ban coi thi do ông Trần Khắc L - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo làm Trưởng ban và 89 thành viên khác làm Ủy viên.

Ngày 06-11-2018, UBND tỉnh Phú Yên Quyết định thành lập Ban giám sát kỳ thi, ông Nguyễn Quốc K - Chức vụ: Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra Nhà nước tỉnh Phú Yên làm Trưởng ban và 14 thành viên khác làm Ủy viên.

Ngày 06-11-2018, Chủ tịch Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Phú Yên chọn đề thi chính thức và dự phòng các môn thi. Các đề thi được chọn và không được chọn được niêm phong đưa đến Sở Nội vụ bảo quản theo chế độ tài liệu mật. Ngày 10-11 và ngày 11-11-2018, Hội đồng thi mở niêm phong, vận chuyển các đề thi chính thức đến Sở Giáo dục và Đào tạo giao cho Tổ nhân đề để nhân bản đề thi.

Trước ngày thi, Vũ Thị Thái H bảo Nguyễn Ngọc K theo dõi điện thoại để trước giờ thi sẽ nhắn tin đề thi cho K. Ngày 10-11-2018, H giấu trong người điện thoại gắn sim số 0382619554 mang vào khu vực nhân đề. Khi nhân đề, H nhớ nội dung 03 câu hỏi đề thi môn Kiến thức chung. Lúc 06 giờ 10 phút cùng ngày, H đi vệ sinh rồi lấy điện thoại nhắn tin cho K nội dung "Pt vai tro cưa tt cphu.2 la ntac hoat dog cog vu theo luat cc.3 la vtro cua vb hc thog thuog va sthao cvan", K hiểu đây là nội dung 3 câu hỏi đề thi chính thức môn Kiến thức chung. Có nghĩa là "phân tích vai trò của Thủ tướng chính phủ. 2 là nguyên tắc hoạt động công vụ theo Luật Công chức. 3 là vai trò của văn bản hành chính thông thường và soạn thảo công văn". Tương tự cách thức trên, khi thực hiện nhân đề thi môn Viết chuyên ngành, lúc 05 giờ 24 phút ngày 11-11-2018, H dùng điện thoại sim số 0382619554 nhắn tin "HC3" có nghĩa là đề thi số 3 môn Viết chuyên ngành Hành chính văn phòng cho K. K nhận đọc và hiểu nội dung tin nhắn và chuẩn bị tài liệu mang theo làm bài thi. Sau khi có kết quả thi, biết mình không trúng tuyển, nên K yêu cầu H trả lại tiền và H đã trả 120.000.000 đồng cho K. Sau đó K đã làm đơn tố cáo H.

Ngày 15-11-2018, Hội đồng thi tuyển công chức thành lập Ban phách, do Lê T làm Trưởng ban, Vũ Thị Thái H, Trần Thị D, Huỳnh Thị T P và Trịnh Thị Huỳnh H làm Ủy viên. Ngày 07-12-2018, Hội đồng thi thành lập Ban chấm thi, do ông Lương Công N - Chức vụ: Phó hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Phú Yên làm Trưởng ban, Trần Văn N, Bùi Văn N, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Bạch T, Đặng Thanh H, Nguyễn Thông Minh T, Phạm Kỳ N, Lê Công H, Trần Doãn X, Trần Thanh S,

Lê Thị Kim H, Trần Trung T, Trần Quốc V và 42 thành viên khác là Công chức các sở, ban, ngành là Ủy viên. Từ ngày 16-12-2018, Ban phách tiến hành sắp xếp, kiểm đếm, đánh phách, rọc phách lần lượt từng môn giao cho Ban chấm thi chấm điểm. Sau khi chấm xong, tiếp tục làm phách môn tiếp theo. Phách và bài thi đã đánh phách để trong các túi đựng bài thi cất giữ trong các thùng sắt để trong phòng làm việc của T, T tự niêm phong, chìa khóa thùng sắt và chìa khóa phòng do T giữ.

Sau khi Ban giám sát được thành lập, ông Nguyễn Quốc Khánh không phối hợp chặt chẽ với Hội đồng thi tuyển công chức và Sở Nội vụ, nên không phân công giám sát việc thực hiện quy chế và nội quy của kỳ thi tại nơi tổ chức đánh số phách, rọc phách, ghép phách, nơi tổ chức chấm thi theo quy định. Quá trình chấm thi, ông Lương Công Ninh phân công Trần Văn N thực hiện nhiệm vụ của Trưởng ban như nhận bài, phát bài, thu bài, bảo quản bài thi. Cuối mỗi buổi chấm thi, bài thi, phiếu chấm điểm của các Ủy viên để trong túi nylonclear được N bỏ vào thùng sắt để trong phòng làm việc của T khóa lại, chìa khóa thùng và chìa khóa phòng do T giữ.

Lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ không đúng quy định của Ban chấm thi, Ban giám sát, nên trong quá trình chấm thi, T và N biết điểm bài thi của nhiều thí sinh điểm thấp, nhiều Ủy viên Ban chấm thi biết bài thi của thí sinh, đã tác động các Ủy viên khác chấm lại, nâng điểm nhiều bài thi, làm kết quả kỳ thi bị sai lệch, cụ thể:

1. Lê T quen biết Hồ Văn P (sinh năm 1990, trú tại tỉnh Phú Yên) là thí sinh trong kỳ thi. P nhiều lần đến nhà nhờ T giúp đỡ, nên sau khi biết bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E9-27 của P được Bùi Văn N và Lê Công H chấm dưới 50 điểm, T gọi điện bảo P mang theo cây bút mà P đã dùng làm bài thi đến nhà T, P tìm không thấy nên lấy cây bút tương tự mang theo đến nhà T. T nói bài thi môn Viết chuyên ngành của P điểm thấp và bảo P làm lại, T lấy giấy thi và đáp án câu 3 đề thi môn Viết chuyên ngành đã thi hướng dẫn P viết lại. Sau khi viết xong, P đưa cho T rồi T đưa tờ bài thi này vào tập bài thi và lấy tờ bài thi cũ ra. T nói với Nam trong tập bài thi E9-01 đến E9-34, có bài thi của người quen của T, làm bài không được, nhưng nói với T muộn, mẹ con người đó khóc năn nỉ T giúp đỡ, nên T nhờ N chấm lại, N đồng ý. Tại phòng làm việc của T, T đưa tờ bài thi có phần trả lời câu 3 đã được T thay thế cho N chấm, N biết tờ bài thi T đã thay thế, nhưng vì nể T, N vẫn chấm nâng lên 27 điểm rồi đưa bài thi cho T. Sau đó, T vào Hội trường chấm thi đưa tờ bài thi câu 3 trên cho H và nói H chấm sót, bảo H chấm lại. H chấm lại nâng lên 27 điểm. Khi vào điểm, H biết tờ bài thi đã được thay thế, nhưng vì sợ trách nhiệm cá nhân liên quan đến việc bài thi đã bị thay thế, nên H không báo cho Trưởng ban. Bài thi được nâng từ dưới 50 điểm lên 66 điểm. Kết quả Hồ Văn P trúng tuyển.

2. Bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E1-61 của thí sinh Huỳnh Văn T (sinh năm 1993, trú tại tỉnh Phú Yên) được Đặng Thanh H và Trần Doãn X chấm 69 điểm. Sau đó, T điện thoại cho X và H nói đến Sở Nội vụ có việc, xem lại bài thi đã chấm. H đến phòng làm việc của T, T đưa bài thi trên cho H nói đây là bài thi của người quen của T, chấm như vậy là thấp, theo T bài thi phải chấm từ 80 điểm và nhờ H chấm lại, H đồng ý chấm nâng điểm bài thi từ 69,5 điểm lên 82,5 điểm. Sau đó, X đến phòng làm việc của T, T đưa bài thi trên cho X nói đã nhờ H chấm

lại rồi, X xem phiếu điểm thì thấy H đã chấm nâng lên 82,5 điểm, X dự định chấm nâng lên bằng điểm của H, thì T bảo X chấm thêm vài điểm, X chấm nâng lên 86 điểm và sửa điểm trên bài thi từ 69 điểm thành 84,25 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 66 điểm, giảm 18,25 điểm). Kết quả Huỳnh Văn T trúng tuyển.

3. Bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E3-13 của thí sinh Nguyễn Lý Mai T (sinh năm 1994, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên) được Trần Quốc V chấm 80,75 điểm và Lê Thị Kim H chấm 80,5 điểm. Sau đó, T gọi điện nói V đến phòng làm việc của T rà soát bài thi, N gọi điện nói H đến Sở Nội vụ có việc. Khi V đến phòng làm việc của T, T đưa bài thi trên cho V và nói đây là bài thi của người quen nhờ V chấm lại. Cùng lúc này, N dẫn H vào Phòng làm việc của T, N nói với H bài thi trên là bài thi con của anh công tác tại Sở Nội vụ nhờ xem lại. H, V xem bài thi, thấy câu 3 có phần viết bổ sung sau khi H, V đã chấm, vì nể T và N, V chấm nâng lên 6,5 điểm, H chấm nâng lên 7 điểm. Bài thi nâng từ 80,75 lên 87,5 điểm. V sửa điểm trên bài thi thành 87,5 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 77 điểm, giảm 10,5 điểm). Kết quả Nguyễn Lý Mai T trúng tuyển.

4. Bài thi môn Kiến thức chung, số phách A84 của thí sinh Nguyễn Đỗ Anh V (sinh năm 1983, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên) được Bùi Văn N chấm 42 điểm và Nguyễn Minh P chấm 37 điểm. Sau đó, T nhờ N nâng điểm bài thi trên cho đủ 50 điểm, N đồng ý. Khi đối chiếu điểm, N nói với P bài thi này của người quen T, do đó P thống nhất cùng N nâng điểm bài thi trên, N nâng lên 50 điểm, P nâng lên 50 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 45,75 điểm, giảm 4,25 điểm). Kết quả Nguyễn Đỗ Anh V trúng tuyển.

5. Bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E3-44 của thí sinh Lê V H (sinh năm 1981, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên), được Nguyễn Minh P chấm 69,5 điểm và Trần Thanh S chấm 61 điểm. Sau đó, N đưa bài thi trên cho P nói bài này là của người quen nhờ P nâng lên 85 điểm, P đồng ý và bảo N nói việc nâng điểm này cho S biết, do đó N gặp S nói bài thi trên là con của lãnh đạo lâu năm, người quen của N và nhờ S nâng lên 85 điểm, S cũng đồng ý và cùng P nâng điểm. P nâng lên 86 điểm, S nâng lên 84 điểm. Bài thi được nâng từ 65,25 điểm lên 85 điểm. S sửa điểm trên bài thi thành 85 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 69,25 giảm 15,75 điểm). Kết quả Lê V H trúng tuyển.

6. Bài thi môn Kiến thức chung, số phách A31 của thí sinh Võ Hùng L (sinh năm 1993, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên) được Trần Văn N chấm 60 điểm, Nguyễn Minh P chấm 53 điểm. N nói với P bài thi này là của người quen, nhờ P xem lại giúp, P đồng ý nâng lên 58 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 32,75 điểm, giảm 26,25 điểm). Kết quả Võ Hùng L trúng tuyển.

7. Bài thi môn Kiến thức chung, số phách A301 của thí sinh Nguyễn Thị Mỹ L (sinh năm 1989, trú tại tỉnh Gia Lai) được Bùi Văn N chấm 46 điểm, Nguyễn Minh P chấm 50 điểm. N nhờ N nâng điểm bài thi trên để không bị điểm liệt, N đồng ý nâng lên 50 điểm, sửa điểm trung bình trên Phiếu tổng hợp kết quả điểm giữa hai giám khảo từ 48 thành 50 điểm rồi đưa P ký xác nhận. P không biết bài thi trên N tác động N nâng điểm nên ký (Kết quả chấm thẩm định được 42 điểm, giảm 8 điểm). Kết quả Nguyễn Thị Mỹ L không trúng tuyển.

8. Bài thi môn Kiến thức chung, số phách A302 của thí sinh Võ T L (sinh năm 1988, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên) được Nguyễn Minh P và Bùi Văn N chấm. Khi đang chấm, N nói với N bài thi trên là của con gái ông Võ Đức T, cần lưu ý, N đồng ý chấm nâng từ 47 lên 59 điểm, P chấm 47 điểm. Sau đó, N cầm bài thi trên đưa cho P và nói đây là bài của người quen N, nhờ P xem lại nâng lên trên 55 điểm, P đồng ý nâng lên 57 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 34,25 điểm, giảm 23,75 điểm). Kết quả Võ T L trúng tuyển.

9. Các bài thi môn Kiến thức chung: Bài thi có số phách A310 của thí sinh Nguyễn Ngọc K N (sinh năm 1993, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên); số phách A315 của thí sinh Nguyễn Thị Hoàng N (sinh năm 1993, trú tại tỉnh Phú Yên) được Nguyễn Minh P và Phạm Kỳ N chấm. Bài thi A310, P chấm 46 điểm, N chấm 52 điểm và bài thi A315, P chấm 46 điểm, N chấm 52 điểm. N nói với P bài thi số phách A310 và A 315 là của người quen N, nhờ nâng lên để khỏi bị liệt, P đồng ý nâng điểm hai bài thi trên lên 48 điểm và nâng điểm trung bình trên Phiếu tổng hợp kết quả điểm giữa hai giám khảo từ 49 lên 50 điểm rồi đưa N ký xác nhận. N không biết N tác động P nâng điểm hai bài thi trên nên ký (Kết quả chấm thẩm định bài A310 được 34,25 điểm, giảm 15,75 điểm; bài A315 được 39,5 điểm, giảm 10,5 điểm). Kết quả Nguyễn Ngọc K N trúng tuyển, Nguyễn Thị Hoàng N không trúng tuyển.

10. Bài thi môn Kiến thức chung, số phách A321 của thí sinh Bùi Thị N (sinh năm 1979, trú tại tỉnh Phú Yên) được Nguyễn Minh P chấm 43 điểm, Phạm Kỳ N chấm 34 điểm. N nhờ N giúp bài thi này, N đồng ý nâng lên 50 điểm. N nói với P bài thi trên của người quen, nhờ P nâng điểm, P đồng ý nâng lên 51 điểm (Kết quả chấm thẩm định bài A321 được 21,5 điểm, giảm 29 điểm). Kết quả Bùi Thị N trúng tuyển.

11. Bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E2-10 của thí sinh Trình Thị Mỹ H (sinh năm 1982, trú tại tỉnh Phú Yên) được Nguyễn Thông Minh T chấm 35 điểm, Nguyễn Minh P chấm 32,5 điểm. N nói với T đây là bài thi người quen của N nhờ nâng lên 50 điểm và nhờ P nâng lên cho khỏi bị liệt, P đồng ý nâng lên 50 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 13,75 điểm, giảm 36,5 điểm). Kết quả Trình Thị Mỹ H trúng tuyển.

12. Bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E9-21 của thí sinh Huỳnh Nhất L (sinh năm 1992, trú tại tỉnh Phú Yên) được Bùi Văn N chấm khoảng 70 điểm. Sau đó, N lấy bài thi này đưa cho L viết thêm đáp án để Lê Công H chấm. H không biết bài thi trên viết thêm đáp án nên chấm 84,5 điểm. Khi đối chiếu kết quả chấm thi, thấy điểm chênh lệch trên 10%, thì H bảo N xem lại bài thi xem có chấm sót ý không. N xem lại thấy có 07 dòng chưa có dấu vết chấm, N nghi ngờ 07 dòng này viết thêm nhưng không báo Trưởng Ban chấm thi mà vẫn chấm nâng điểm lên 83,5 điểm. Kết quả Huỳnh Nhất L trúng tuyển.

13. Bài thi môn Kiến thức chung, số phách A162 của thí sinh Nguyễn Ngọc T (sinh năm 1987, trú tại tỉnh Phú Yên). Bài thi được Nguyễn S (Ủy viên Ban chấm thi) chấm 46 điểm, nhưng S cộng nhầm thành 56 điểm, Phạm K N chấm được 43 điểm. Thấy điểm trung bình chỉ được 49,5 điểm, bản thân N không biết thí sinh này là ai? ở đâu? N không bị ai tác động, nhưng vì muốn tạo điều kiện cho thí sinh, nên N đã tự nâng điểm mình chấm lên 44 điểm và tự nâng điểm trung bình lên 50 điểm (Kết

quả chấm thẩm định được 31,25 điểm, giảm 18,75 điểm). Kết quả Nguyễn Ngọc T trúng tuyển.

14. Đặng Thanh H quen biết với Nguyễn Sanh C (sinh năm 1993, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên) là thí sinh dự thi. Trong quá trình chấm thi, H thấy Nguyễn Thông Minh T chấm bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E2-06 có chữ viết giống chữ viết của C, nên ghi nhớ số phách. Sau đó, H điện thoại nhờ Minh T chấm thoáng cho bài thi E2-06, vì bài thi này là của người quen H, Minh T đồng ý nâng điểm bài thi từ 50 lên 59 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 50,37 điểm, giảm 8,613 điểm). Kết quả Nguyễn Sanh C trúng tuyển.

15. Nguyễn Thị Bạch T quen biết với Huỳnh P (sinh năm 1981, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên) là thí sinh dự thi. Trong quá trình chấm thi, T thấy Nguyễn Minh P chấm bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E2-06 chữ viết giống chữ viết của P, T nghĩ là bài thi của P nên nói với P đây là bài thi của một ông anh lớn tuổi làm ở Sở Tư pháp hơn 10 năm, thi nhiều lần không đậu, nhờ P chấm nâng điểm, P đồng ý nâng từ 50 lên 59 điểm. Sau đó, P nói với T, bài thi T nhờ làm không tốt nên điểm không bằng những thí sinh cạnh tranh khác, thì T nói với P cố gắng giúp ổng, P nói sẽ cân đối, hạ điểm những thí sinh cạnh tranh khác, nên P đã hạ điểm bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E2-04 của thí sinh Lục Thị Bảo T (sinh năm 1993, trú thành phố T, tỉnh Phú Yên) từ 61 xuống 57 điểm, hạ điểm trung bình trên Phiếu tổng hợp kết quả điểm giữa hai giám khảo từ 63 xuống 61 điểm. Kết qủa Lục Thị Bảo T không trúng tuyển; Huỳnh P không trúng tuyển.

16. Trần Trung T quen biết với Trần Hoàng D (sinh năm 1986, trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên) là thí sinh dự thi. Trong quá trình chấm thi, T thấy bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E17-17 chữ viết giống chữ viết của D. Mặc dù, bài thi làm không đầy đủ như đáp án, nhưng T vẫn chấm điểm như đáp án được 87,5 điểm. Thấy Nguyễn Thị Bạch T chấm bài thi trên 81,5 điểm, nên T nhờ T chấm lại, vì bài thi của đứa em cùng cơ quan T, T chấm nâng lên 83,5 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 61,65 điểm, giảm 23,85 điểm). Kết quả Trần Hoàng D không trúng tuyển.

17. Bùi Văn N được Nguyễn Thị Thanh T (Trưởng phòng Phòng Cải cách hành chính thuộc Sở Nội vụ) tác động nhờ quan tâm giúp Nguyễn Lý Mai T là cháu của T. Khi chấm thi, N thấy bài thi môn Kiến thức chung, số phách A69 có đặc điểm như nội dung trên tờ giấy mà T đưa cho N, vì nể T, N chấm nâng từ 68 lên 71 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 59 điểm, giảm 10,5 điểm). Kết quả Nguyễn Lý Mai T trúng tuyển.

18. Nguyễn Minh P được Trần Văn N tác động bảo nâng điểm các bài thi môn Kiến thức chung được giám khảo khác chấm từ 50 điểm trở lên mà P chấm dưới 50 điểm, thì nâng lên để thí sinh khỏi bị điểm liệt. Do đó, P đã nâng điểm các bài thi, số phách: A26 từ 47 lên 50 điểm, A29 từ 46 lên 50 điểm, A30 từ 48 lên 50 điểm, A37 từ 46 lên 50 điểm, A44 từ 41 lên 50 điểm, A73 từ 42,5 lên 46 điểm, A79 từ 47 lên 50 điểm, A312 từ 39,5 lên 47 điểm, A476 từ 47 lên 50 điểm, A477 từ 46 lên 47 điểm, A482 từ 46 lên 49 điểm. Kết quả có 05 thí sinh trúng tuyển (A29, A44, A73, A312, A482).

19. Đặng Thị Q là vợ của Phạm Văn D (Phó Giám đốc Sở Nội vụ) được Lê Thị Kiên N (sinh năm 1989, trú tại tỉnh Phú Yên) là thí sinh dự thi, nhờ Q nói D giúp đỡ N trong kỳ thi. Từ tháng 9-2018 đến tháng 01-2019, Q đã nhận của N 27.000.000 đồng và 02 cái áo trị giá 1.385.100 đồng. Q không nói cho D biết việc nhận tiền và 02 cái áo của N. Quá trình điều tra Q đã trả lại tài sản cho N.

Tại Kết luận giám định số 3593/KLGĐ-ANCTNB ngày 02-8-2019, Cục An ninh chính trị nội bộ - Bộ Công an kết luận:

Bộ 05 đề thi nhóm ngành thanh tra và bộ 05 đề thi nhóm ngành hành chính văn phòng là các đề thi do Hội đồng thi 765 chuẩn bị cho kỳ thi tuyển dụng công chức năm 2017-2018 tỉnh Phú Yên; câu hỏi trong 02 bộ đề thi nêu trên được gửi cho ông Nguyễn Ngọc K trước ngày diễn ra kỳ thi tuyển dụng công chức. Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Quyết định số 18/2012/QĐ-TTg ngày 03-4-2012 của Thủ tướng Chính phủ thì "Đề thi tuyển dụng công chức, viên chức do các Hội đồng thi chuẩn bị khi chưa tổ chức thi" là bí mật nhà nước độ **Tối mật**. Như vậy, tài liệu mẫu cần giám định A1, A2 là các câu hỏi được trích xuất và in ra từ hộp thư điện tử của ông Nguyễn Ngọc K là tài liệu có nội dung bí mật nhà nước độ **Tối mật**.

T liệu mẫu cần giám định A3 là nội dung tin nhắn được trích xuất in ra từ điện thoại di động của ông Nguyễn Ngọc K không phải là tài liệu bí mật nhà nước.

Tại Kết luận giám định số 172/GĐ-PC09 ngày 18-9-2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận:

Tờ phách môn thi: "Chuyên ngành viết", kỳ thi: Tuyển công chức 2017-2018; ngày thi 11-11-2018; họ tên thí sinh: Hồ Văn P, sinh ngày 08-8-1990 tại Đồng X, số báo danh 459, số phách E9-27 ở góc trên bên trái được khoanh tròn, ghi A3 bằng mực màu đỏ (ký hiệu A3) không phải cắt ra từ nguyên bản bài làm của thí sinh, số phách E9-27. Câu 3: Anh, chị hãy trình bày về xây dựng Đề án, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức ….

Chữ viết trên bài làm của thí sinh, số phách E9-27. Câu 3: Anh, chị hãy trình bày về xây dựng Đề án, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức …, mực khác màu so với chữ viết trên bài làm câu 1, câu 2 của thí sinh, số phách E9-27.

Tại Kết luận giám định số 210/GĐ-PC09 ngày 18-11-2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận:

Đoạn chữ viết: "T thiết bị công sở: Nhà nước đảm bảo… thanh toán chi phí đi lại" từ dòng 21 đến dòng 27 (07 dòng cuối trang 02) khác màu mực so với chữ viết phần trên của bài thi môn viết chuyên ngành của thí sinh Huỳnh Nhất L, sinh năm 1992 tại Tây H, Phú Yên; số báo danh: 543, số phách: E9-21 (ký hiệu A) và đoạn chữ viết này được viết điền thêm sau thời gian hoàn thành bài thi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 26-9-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 337; điểm b, n, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với 02 tội; áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước", xử phạt:

- Vũ Thị Thái H 04 (**bốn**) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 (**bốn**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 06-8-2019 đến ngày 07-11-2019.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 337; điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê T 02 (**hai**) năm tù về tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước" và 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 01-11-2019 đến ngày 28-5-2020).

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước; tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 337; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạm Văn D 02 **(hai**) năm tù về tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.4. Áp dụng Điều 29; khoản 7 Điều 364; điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 337; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước".

- Miễn trách nhiệm hình sự đối với **Nguyễn Ngọc K** về tội "Đưa hối lộ".

- Xử phạt: **Nguyễn Ngọc K** 01 (**một**) năm 03 (**ba**) tháng tù về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.5. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Minh P, Bùi Văn N, Nguyễn Thị Bạch T, Đặng Thanh H, Nguyễn Thông Minh T; áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thị Bạch T, xử phạt:

- Trần Văn N 02 (**hai**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 01-11-2019 đến ngày 28-5-2020).

- Nguyễn Minh P 02 (**hai**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Bùi Văn N 02 (**hai**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07-02-2020 đến ngày 02-8-2020).

- Nguyễn Thị Bạch T 01 (**một**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Đặng Thanh H 01 (**một**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Nguyễn Thông Minh T 01 (**một**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.6. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 366; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thị Q 01 (**một**) 03 (**ba**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn La Hai, huyện Đồng X, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Công H, Trần Doãn X, Phạm Kỳ N, Trần Quốc V, Lê Thị Kim H, Trần Thanh S và Trần Trung T, xử phạt:

- Lê Công H 09 (**chín**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trần Doãn X 09 (**chín**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạm Kỳ N 09 (**chín**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trần Quốc V 09 (**chín**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Lê Thị Kim H 09 (**chín**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trần Thanh S 09 (**chín**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trần Trung T 09 (**chín**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân (nơi các bị cáo cư trú) giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời hạn thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo kháng cáo (10 bị cáo):

- Ngày 28-9-2021, Nguyễn Minh P kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 05-10-2021, Trần Văn N kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 07-10-2021, Vũ Thị Thái H kháng cáo kêu oan cả hai tội.

- Ngày 07-10-2021, Nguyễn Ngọc K kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo; xin miễn nộp lại số tiền 120.000.000 đồng.

- Ngày 08-10-2021, Bùi Văn N kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 08-10-2021, Nguyễn Thông Minh T kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 08-10-2021, Đặng Thanh H kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 08-10-2021, Lê Thị Kim H kháng cáo kêu oan.

- Ngày 09-10-2021, Nguyễn Thị Bạch T kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 09-10-2021, Phạm Văn D kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo (07 người):

- Ngày 18-10-2021, anh Nguyễn Ngọc H kháng cáo đề nghị hủy bỏ nội dung kiến nghị hủy kết quả thi đối với Nguyễn Ngọc H.

- Ngày 19-10-2021, chị Nguyễn Thị Hà V kháng cáo đề nghị hủy bỏ nội dung kiến nghị hủy kết quả thi đối với Nguyễn Thị Hà V.

- Ngày 20-10-2021, chị Đặng Thị K T kháng cáo đề nghị hủy bỏ nội dung kiến nghị hủy kết quả thi đối với Đặng Thị K T.

- Ngày 26-10-2021, chị Hoàng Lệ D kháng cáo đề nghị hủy bỏ nội dung kiến nghị hủy kết quả thi đối với Hoàng Lệ D.

- Ngày 29-10-2021, chị Nguyễn Ngọc K N kháng cáo đề nghị hủy bỏ nội dung kiến nghị hủy kết quả thi đối với Nguyễn Ngọc K N.

- Ngày 31-10-2021, anh Đinh Khắc T kháng cáo đề nghị hủy bỏ nội dung kiến nghị hủy kết quả thi đối với Đinh Khắc T.

- Ngày 01-11-2021, anh Nguyễn V T kháng cáo đề nghị hủy bỏ nội dung kiến nghị hủy kết quả thi đối với Nguyễn V T.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Vũ Thị Thái H, Phạm Văn D, Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Minh P, Trần Văn N, Nguyễn Thông Minh T, Bùi Văn N, Đặng Thanh H, Nguyễn Thị Bạch T và Lê Thị Kim H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc H, Nguyễn V T, các chị Nguyễn Thị Hà V, Đặng Thị K T, Hoàng Lệ D và Nguyễn Thị Ngọc N kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Khắc T, theo dấu bưu điện thì đã quá hạn, nhưng do anh T không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên khi biết Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị hủy kết quả thi của mình, anh T mới có đơn kháng cáo. Xét thấy, đây là trở ngại khách quan, nên tại Quyết định số 12/HSPT-QĐ ngày 28-02-2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của anh Đinh Khắc T. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét kháng cáo của anh Đinh Khắc T tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Vũ Thị Thái H cho rằng mình bị kết án oan, các bị cáo còn lại đều đề nghị giảm hình phạt và xin hưởng án treo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị hủy phần kiến nghị "hủy bỏ nội dung kiến nghị hủy kết quả thi đối với mình".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Minh P, Bùi Văn N, Nguyễn Thông Minh T, Đặng Thanh H và Lê Thị Kim H.

- Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của Vũ Thị Thái H, nhưng đề nghị giảm hình phạt cả hai tội cho bị cáo.

- Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của Phạm Văn D, nhưng đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

- Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của Nguyễn Ngọc K, nhưng đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; không chấp nhận kháng cáo xin nhận lại số tiền đã bị truy thu, nộp ngân sách nhà nước là 120.000.000 đồng.

- Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Bạch T, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

- Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh, chị: Nguyễn Ngọc H, Nguyễn V T, Đinh Khắc T, Nguyễn Thị Hà V, Đặng Thị K T, Hoàng Lệ D và Nguyễn Thị Ngọc N.

Các bị cáo và Luật sư bào chữa cho các bị cáo tranh luận công khai; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh luận về nội dung kháng cáo của mình.

Nói lời sau cung, Vũ Thị Thái H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện để minh oan cho bị cáo; các bị cáo còn lại đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh (đối với các bị cáo kháng cáo):

[2.1.1]. Đối với Vũ Thị Thái H:

Vũ Thị Thái H kháng cáo kêu oan, bị cáo cho rằng trong kỳ thi tuyển công chức tỉnh Phú Yên năm 2017-2018, Nguyễn Ngọc K không nhờ bị cáo giúp đỡ gì?, bị cáo chỉ được phân công soạn thảo công văn xin chủ trương thành lập các Ban, Tổ trong kỳ thi và được giao nhiệm vụ làm việc tại Tổ nhân đề thi. Sau khi kiểm đếm đề thi, bị cáo chuyển cho người khác để niêm phong đề thi lại. Bị cáo không bàn bạc hay lấy bất cứ một tài liệu nào của nhà nước để chuyển cho Nguyễn Ngọc K hoặc người khác, không nhận tiền từ Nguyễn Ngọc K để chuyển đề thi cho K, nên bị cáo không phạm tội gì. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận có nhận của K 120.000.000 đồng, nhưng cho rằng đây là số tiền K cho bị cáo vay để giải quyết việc gia đình và sau đó bị cáo đã trả lại cho K trước khi thông báo kết quả điểm thi công chức. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo Lê T, Nguyễn Ngọc K, Trần Văn N, Phạm Văn D, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Bạch T, Đặng Thanh H, Nguyễn Thông Minh T, Phạm Kỳ N, Lê Công H, Trần Doãn X, Trần Thanh S, Lê Thị Kim H, Trần Quốc V, Trần Trung T và Đặng Thị Q; căn cứ vào lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thì ngoài việc các bị cáo (nêu trên) giải thích rõ động cơ, mục đích phạm tội của bản thân mình, còn giải thích rõ lý do vì sao họ biết hành vi phạm tội của Vũ Thị Thái H.

Xét thấy, các lời khai này đều được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định; các chứng cứ là lời khai của các bị cáo, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều phù hợp với nhau, phù hợp với một số lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Thị Thái H tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản khám xét nơi ở của Vũ Thị Thái H, các kết quả giám định, trong đó có kết quả giám định xác định giọng nói của H nhiều lần năn nỉ Nguyễn Ngọc K đừng tố cáo H, các dữ liệu điện tử gồm tin nhắn gửi qua điện thoại, các file tài liệu từ máy tính gửi qua hộp thư điện tử cho Nguyễn Ngọc K. Các tài liệu này đều đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận:

(**1**). Về hành vi nhận tiền của Nguyễn Ngọc K:

Vũ Thị Thái H là công chức, công tác tại Phòng Tổ chức CCVC thuộc Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên. H biết được cách thức, quy trình xây dựng đề thi, làm phách, chấm thi và nhân sự các ban của Hội đồng thi, biết nhu cầu cần trúng tuyển của Nguyễn Ngọc K, nên H nói K đưa 130.000.000 đồng để H đưa cho Lê T, Trần Văn N và "Hội đồng thi" nhằm giúp K trúng tuyển. Do tin lời H, K đã nhiều lần đưa cho H tổng cộng là 120.000.000 đồng. Khi lấy được tiền của K, mặc dù H không nhờ vả hoặc đưa cho ai, nhưng thực tế H đã lợi dụng việc được phân công tham gia hoàn chỉnh các bộ đề thi, nhân đề thi và sơ hở trong việc bảo quản dữ liệu các bộ đề thi từ Phạm Văn D và Lê T, H đã sao chép tài liệu rồi chuyển qua Email cho K 62 câu hỏi kèm đáp án môn Trắc nghiệm chuyên ngành, 30 câu hỏi kèm đáp án môn Viết chuyên ngành, bộ 05 đề thi kèm đáp án môn Viết chuyên ngành cho Nguyễn Ngọc K.

Mặc dù, Vũ Thị Thái H không phải là Ủy viên Ban ra đề thi, nhưng bị cáo được Lê T trưng tập H tham gia hoàn chỉnh các bộ đề thi, nhân đề thi. Do đó, hành vi của Vũ Thị Thái H là lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình (tại thời điểm được trưng tập) trực tiếp nhận lợi ích cho chính bản thân mình để làm một việc vì lợi ích của người đưa hối lộ là Nguyễn Ngọc K, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Nhận hối lộ" được quy định tại Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, hành vi đưa tiền cho H của Nguyễn Ngọc K đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố về tội "Đưa hối lộ" và sau đó được miễn trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kết án Vũ Thị Thái H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 174 của Bộ luật Hình là không đúng hành vi khách quan cũng như ý chí chủ quan của bị cáo.

Với hành vi phạm tội như đã nêu trên, lẽ ra phải kết án Vũ Thị Thái H về tội "Nhận hối lộ" theo Điều 354 của Bộ luật Hình sự mới đúng tội danh. Tuy nhiên, Vũ Thị Thái H đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo **04** (bốn) năm tù (có khung hình phạt từ **02** năm đến **07** năm tù). So sánh với tội "Nhận hối lộ", thì số tiền mà H nhận của Nguyễn Ngọc K sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c (của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng) khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình

sự, có mức phạt tù từ **07** năm đến **15** năm. Vì vậy, để ổn định bản án, cũng như đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết hủy bản án để truy tố, xét xử lại đối với Vũ Thị Thái H, mà giữ nguyên tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với bị cáo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc định tội danh.

(**2**). Về hành vi sao chép tài liệu:

Với hứa hẹn, thỏa thuận sẽ giúp Nguyễn Ngọc K trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức, nên từ tháng 8-2018 đến tháng 10-2018, Vũ Thị Thái H bảo K lập Email để H gửi tài liệu. Sau đó, lợi dụng việc được phân công tham gia hoàn chỉnh các bộ đề thi và sơ hở trong việc bảo quản dữ liệu các bộ đề thi từ Phạm Văn D và Lê T, H đã sao chép các tài liệu, để từ ngày 07-10-2018 đến ngày 27-10-2018, H dùng máy tính chuyển qua Email cho K 62 câu hỏi kèm đáp án môn Trắc nghiệm chuyên ngành, 30 câu hỏi kèm đáp án môn Viết chuyên ngành (nhóm ngành Hành chính văn phòng), bộ 05 đề thi kèm đáp án môn Viết chuyên ngành (nhóm ngành Thanh tra), bộ 05 đề thi kèm đáp án môn Viết chuyên ngành (nhóm ngành Hành chính văn phòng). Để thực hiện trót lọt việc thỏa thuận này, trước ngày thi H dặn K sạc pin và chờ điện thoại. Khi nhân đề vào ngày 10-11-2018 và ngày 11-11-2018 tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Yên, H đã giấu điện thoại trong người rồi vờ xin đi vệ sinh để nhắn tin nội dung câu hỏi đề thi môn Kiến thức chung, môn Chuyên ngành hành chính văn phòng cho K. K nhận được đề thi trước giờ thi và chuẩn bị tài liệu đem vào làm bài.

Hành vi nêu trên của Vũ Thị Thái H trực tiếp xâm phạm hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực đảm bảo an toàn những thông tin chưa được công bố. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kết án bị cáo về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước" theo Điều 337 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo kêu oan của Vũ Thị Thái H đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và đã có đủ cơ sở để kết luận Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kết án bị cáo về 02 tội là không oan.

[2.1.2]. Đối với Phạm Văn D:

Phạm Văn D là Phó Giám đốc Sở Nội vụ, thuộc UBND tỉnh Phú Yên, bị cáo được phân công làm Phó Chủ tịch Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh. Mặc dù, chưa có quyết định thành lập Ban ra đề thi, nhưng từ ngày 23-7-2018 đến ngày 11-10-2018, khi Lê T đề xuất, D đã chỉ đạo T xây dựng, hoàn chỉnh các bộ đề thi và phân công Vũ Thị Thái H, Trần Thị D, Huỳnh Thị T P tham gia thực hiện các công việc của thành viên Ban ra đề thi không đúng quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15-3-2010 của Chính phủ và Quy chế thi tuyển ban hành kèm theo Thông tư 13/2010/TT-BNV ngày 30-12-2010 của Bộ Nội vụ. Đến ngày 12-10-2018, D được phân công làm Trưởng ban ra đề thi, nhưng không tổ chức xây dựng đề thi theo quy định, mà tiếp tục chỉ đạo Lê T sử dụng nhiều người không phải thành viên Ban ra đề thi xây dựng hoàn thiện bộ đề thi để cho người không có trách nhiệm biết được bí mật của nhà nước, từ đó họ đã lợi dụng chiếm đoạt các tài liệu bí mật này gửi cho thí sinh dự thi.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kết án bị cáo về tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước" theo Điều 337 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.3]. Đối với Nguyễn Ngọc K:

Ngoài hành vi đưa tiền cho Vũ Thị Thái H để giúp K trúng tuyển trong kỳ thi công chức (đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên miễn trách nhiệm hình sự về tội "Đưa hối lộ"), thì bị cáo còn thực hiện hành vi bàn bạc, thống nhất với Vũ Thị Thái H, lập địa chỉ Email, chuẩn bị điện thoại di động để nhận tài liệu và thông tin đề thi từ dữ liệu điện tử do H chuyển đến, nhằm phục vụ cho việc thi công chức của mình. Bị cáo biết rõ các tài liệu, bộ đề thi rút gọn, đề thi do H gửi cho mình là tài liệu bí mật của nhà nước, không được phép công khai trước khi thi, nhưng vì lợi ích cá nhân, xem thường chế độ bảo mật của nhà nước, bị cáo đã thống nhất về mặt ý chí với H, cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài liệu là bí mật của nhà nước. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kết án bị cáo về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước" theo Điều 337 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.4]. Đối với Trần Văn N, Nguyễn Minh P, Bùi Văn N, Đặng Thanh H, Nguyễn Thông Minh T, Nguyễn Thị Bạch T và Lê Thị Kim H:

Các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để tác động, nâng, hạ điểm 29 bài thi. Trong đó, Lê T tác động N, H, P chấm nâng điểm 04 bài thi; Trần Văn N tác động P, N, Minh T và H chấm nâng điểm 21 bài thi; Bùi Văn N chấm nâng điểm 06 bài thi và tác động P chấm nâng điểm 01 bài thi; Nguyễn Minh P chấm hạ điểm 01 bài thi và chấm nâng điểm 20 bài thi; Nguyễn Thị Bạch T chấm nâng điểm 01 bài thi, tác động P chấm nâng điểm 01 bài thi và hạ điểm 01 bài thi; Đặng Thanh H chấm nâng điểm 01 bài thi và tác động Nguyễn Thông Minh T chấm nâng điểm 01 bài thi; Nguyễn Thông Minh T chấm nâng điểm 02 bài thi và Lê Thị Kim H chấm nâng điểm 01 bài thi.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã làm sai lệch kết quả kỳ thi, gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các thí sinh dự thi. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kết án các bị cáo về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo Điều 356 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Tuyển dụng để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức tương lai có trình độ, năng lực chuyên môn cao, đáp ứng tốt nhiệm vụ công tác trước yêu cầu đổi mới là cần thiết. Tuy nhiên, vì lợi ích cá nhân, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ được bổ nhiệm; chức vụ, quyền hạn được giao trong kỳ thi tuyển công chức, đã cố ý làm trái quy trình, quy chế, quy định trong thi tuyển, tuyển dụng công chức, làm lộ, lọt đề thi, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến yêu cầu khách quan, công bằng cũng như mục đích thi tuyển, làm mất niềm tin của nhân dân đối với nhà nước, xâm hại đến công bằng xã hội, quyền và lợi ích chính đáng của nhiều thí sinh dự thi. Đánh giá

tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện, vai trò của từng bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.2.1]. Đối với các bị cáo phạm tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước" và "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước":

Tại thời điểm các bị cáo Vũ Thị Thái H, Phạm văn D và Nguyễn Ngọc K thực hiện hành vi phạm tội và thời điểm khởi tố điều tra, thì Danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực nội vụ được quy định tại Quyết định số 18/2012/QĐ-TTg ngày 03-4-2012 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó: *"Thông tin về thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức gồm: a) Đề thi chính thức, đề thi dự phòng, đáp án đề thi chính thức, đáp án đề thi dự phòng tuyển dụng vào công chức cấp xã trở lên, viên chức khi chưa tổ chức thi xét tuyển…"* được quy định vào danh mục bí mật nhà nước độ **Tối mật**, nhưng đến thời điểm truy tố và xét xử sơ thẩm, thì Danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực nội vụ được quy định tại Quyết định số 960/2020/QĐ-TTg ngày 07-7-2020 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó: *"Thông tin về thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức gồm: a) Đề thi chính thức, đề thi dự phòng, đáp án đề thi chính thức, đáp án đề thi dự phòng tuyển dụng vào công chức cấp xã trở lên, viên chức khi chưa tổ chức thi xét tuyển…"* được quy định vào danh mục bí mật nhà nước độ **Mật** và tại Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18-02-2021, Thủ tướng Chính phủ quyết định Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, điểm cấm và danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật: *"Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật:… 34) Quyết định số **18/2012/QĐ-TTg** ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của ngành nội vụ…"*.

Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên không kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật có hiệu lực, từ đó Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã kết án các bị cáo Vũ Thị Thái H, Nguyễn Ngọc K về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước"; kết án Phạm văn D về tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước" theo điểm a (bí mật nhà nước độ **Tối mật**) khoản 2 Điều 337 của Bộ luật Hình sự là áp dụng không đúng pháp luật.

Để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Hình sự để quyết định trách nhiệm hình sự khi xem xét kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với Vũ Thị Thái H:

Mặc dù, bị cáo kháng cáo kêu oan, nhưng căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo và với các hành vi phạm tội này, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt Vũ Thị Thái H 04 (bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước" là đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Mặc dù, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước", nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thành khẩn

khai báo, không biết ăn năn hối cải. Để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm hình phạt cho bị cáo cả hai tội.

- Đối với Phạm Văn D:

Phạm Văn Dũng chỉ đạo Lê T sử dụng nhiều người không có trách nhiệm, không có chuyên môn để xây dựng, hoàn thiện bộ đề thi, từ đó những người này biết được bí mật của nhà nước và bí mật này mang tính quyết định trong việc trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức. Xác định hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ bảo mật của nhà nước trong lĩnh vực an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước".

Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt; có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên tặng nhiều Bằng khen; có cha là thương binh, cha mẹ đẻ đều là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; đồng thời, bị cáo được áp dụng khung hình phạt thấp hơn so với khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là làm lộ, lọt đề thi, từ đó dẫn đến việc sai lệch các kết quả thi tuyển, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thí sinh dự thi, gây ra hậu quả nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

- Đối với Nguyễn Ngọc K:

+ Đối với kháng cáo về hình phạt:

Nguyễn Ngọc K làm Nhân viên hợp đồng tại Văn phòng UBND tỉnh Phú Yên gần 20 năm, K đã nhiều lần thi công chức nhưng đều không trúng tuyển. Trong kỳ thi tuyển công chức tỉnh Phú Yên năm 2017-2018, do quen biết Vũ Thị Thái H khi cùng đi học tại tỉnh Đắk Lắk và được H hứa hẹn giúp đỡ trúng tuyển, nên từ ngày 05-9-2018 đến ngày 31-01-2019, K nhiều lần đưa tiền cho H, tổng cộng là 120.000.000 đồng để nhờ H giúp K trúng tuyển công chức. Mặc dù, hành vi đưa tiền nhằm mục đích để người có chức vụ, quyền hạn làm một việc vì lợi ích của mình đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đưa hối lộ" theo Điều 364 của Bộ luật Hình sự, nhưng hành vi đưa hối lộ đã được bị cáo tự thú trước khi bị phát giác, góp phần hiệu quả vào việc điều tra, xử lý vụ án này, tích cực hợp tác với Cơ quan tiến hành tố tụng để lập công chuộc tội và đã tự nguyện nộp lại 41.000.000 đồng tiền đưa hối lộ, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định miễn trách nhiệm hình sự về tội "Đưa hối lộ" đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên là đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29, khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự, thể hiện được tính nhân văn, đáp ứng tốt yêu cầu phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

Ngoài hành vi đưa tiền cho Vũ Thị Thái H để H giúp K trúng tuyển trong kỳ thi công chức và đã được miễn trách nhiệm hình sự (nêu trên), thì bị cáo còn có hành vi thống nhất với H, lập địa chỉ Email, chuẩn bị điện thoại di động để nhận tài

liệu và thông tin đề thi từ dữ liệu điện tử do H chuyển đến, nhằm phục vụ cho việc thi công chức của mình. Bị cáo biết rõ các tài liệu, bộ đề thi rút gọn, đề thi do H gửi cho mình là tài liệu bí mật của nhà nước, không được phép công khai trước khi thi, nhưng vì lợi ích cá nhân, bị cáo đã thống nhất về mặt ý chí với H, cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật của nhà nước. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) là thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Mặc dù, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt; quá trình điều tra tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện tội phạm; có nhiều thành tích trong công tác, nhiều năm liền được Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh tặng Huy chương và Giấy khen; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị bệnh nhồi máu não điều trị dài hạn, nhưng vẫn tự nguyện nộp 79.000.000 đồng (còn lại) dùng để đưa hối lộ; bị cáo có cha đẻ, ông bà nội, ngoại là người có công với cách mạng và cũng như Vũ Thị Thái H, Phạm Văn D, bị cáo được áp dụng khung hình phạt thấp hơn so với khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, nhưng hành vi của bị cáo đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến yêu cầu khách quan, công bằng cũng như mục đích thi tuyển, xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của nhiều thí sinh dự thi. Do đó, để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt đối với Nguyễn Ngọc K, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Mặc dù, đây là khung hình phạt nhẹ nhất của điều luật, nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt này.

+ Đối với kháng cáo về việc được nhận lại số tiền 120.000.000 đồng:

Để nhằm mục đích trúng tuyển trong kỳ thi công chức, Nguyễn Ngọc K đã đưa cho Vũ Thị Thái H tổng cộng là 120.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng làm phương tiện phạm tội, do đó để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật về việc xử lý hành vi phạm tội đối với "Các tội phạm tham nhũng", Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tịch thu 120.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Như vậy, kháng cáo về nội dung này của bị cáo cũng không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với các bị cáo phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ":

Các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Minh P, Bùi Văn N, Đặng Thanh H, Nguyễn Thông Minh T, Nguyễn Thị Bạch T và Lê Thị Kim H là Ủy viên Ban chấm thi, nhưng vì động cơ cá nhân đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nâng, hạ điểm 29 bài thi, làm sai lệch kết quả thi, dẫn đến có thí sinh được trúng tuyển, có thi sinh không trúng tuyển. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động của cơ quan, tổ

chức trong tuyển dụng công chức, làm mất uy tín của cơ quan nhà nước, gây dư luận xấu trong nhân dân.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ đánh giá tính chất và hành vi phạm tội, xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định mức hình phạt, cụ thể:

- Đối với Trần Văn N:

Trần Văn N là Phó Trưởng phòng Phòng TCCCVC thuộc Sở Nội vụ, Ủy viên Ban ra đề thi và Ủy viên Tổ giúp việc. Lợi dụng được giao nhiệm vụ bảo quản bài thi tại phòng làm việc và việc thiếu trách nhiệm trong giám sát, tổ chức chấm thi, N đã tác động Nguyễn Minh P nâng điểm bài thi A31 từ 53 lên 58 điểm; tác động Bùi Văn N, Nguyễn Minh P nâng điểm bài thi A301 từ 46 lên 50 điểm, nâng điểm bài thi A302 từ 47 lên 58 điểm; tác động Nguyễn Minh P nâng điểm bài thi A310 từ 46 lên 48 điểm và bài thi A315 từ 46 lên 48 điểm, nâng điểm bài thi A321 từ 43 lên 51 điểm, nâng điểm bài E2-10 từ 32.5 lên 50 điểm và các bài thi số phách A26 từ 47 lên 50 điểm, A29 từ 46 lên 50 điểm, A30 từ 48 lên 50 điểm, A37 từ 46 lên 50 điểm, A44 từ 41 lên 50 điểm, A73 từ 42,5 lên 46 điểm, A79 từ 47 lên 50 điểm, A312 từ 39,5 lên 47 điểm, A476 từ 47 lên 50 điểm, A477 từ 46 lên 47 điểm, A482 từ 46 lên 49 điểm (kết quả có có 05 thí sinh trúng tuyển là A29, A44, A73, A312, A482); tác động Nguyễn Thông Minh T nâng điểm bài thi E2-10 từ 35 lên 50 điểm; tác động Trần Thanh S, Nguyễn Minh P nâng điểm bài thi E3-44 từ 65.25 lên 85 điểm; tác động Phạm Kỳ N nâng từ 34 lên 50 điểm; lấy bài thi E9-21 đưa cho thí sinh Huỳnh Nhất L viết thêm vào bài thi sau khi giám khảo 1 đã chấm xong.

- Đối với Nguyễn Minh P:

Nguyễn Minh P là Ủy viên Ban chấm thi, đã nâng điểm các bài thi theo tác động của Trần Văn N, gồm: Bài thi A31 từ 53 lên 58 điểm, bài thi A301 từ 46 lên 50 điểm, bài thi A302 từ 47 lên 58 điểm, bài thi A310 từ 35 lên 46 và từ 46 lên 48 điểm, bài thi A315 từ 46 lên 48 điểm, bài thi A321 từ 43 lên 51 điểm, bài thi E3-44 từ 65.25 lên 85 điểm, bài thi E2-10 từ 32.5 lên 50 điểm, bài thi số phách A26 từ 47 lên 50 điểm, A29 từ 46 lên 50 điểm, A30 từ 48 lên 50 điểm, A37 từ 46 lên 50 điểm, A44 từ 41 lên 50 điểm, A73 từ 42,5 lên 46 điểm, A79 từ 47 lên 50 điểm, A312 từ 39,5 lên 47 điểm, A476 từ 47 lên 50 điểm, A477 từ 46 lên 47 điểm, A482 từ 46 lên 49 điểm (kết quả có có 05 thí sinh trúng tuyển là A29, A44, A73, A312 và A482); nâng điểm theo tác động của Bùi Văn N bài thi A84 từ 37 lên 50 điểm; nâng, hạ điểm theo tác động của Nguyễn Thị Bạch T bài thi E2-06 từ 50 lên 59 điểm, hạ điểm bài thi E2-04 từ 61 xuống 57 điểm.

- Đối với Bùi Văn N:

Bùi Văn N là Ủy viên Ban chấm thi, đã chấm nâng điểm theo sự nhờ vả của Nguyễn Thị Thanh T (Trưởng phòng Phòng Cải cách hành chính thuộc Sở Nội vụ) bài thi A69 từ 68 lên 71 điểm; theo tác động của Lê T, N tác động lại Nguyễn Minh P nâng điểm bài thi A84 từ 37 lên 50 điểm; nâng điểm theo tác động của Trần Văn N bài thi A301 từ 46 lên 50 điểm, bài thi A302 từ dưới 50 lên 59 điểm; nghe Lê Công H nói xem lại bài thi E9-21 (thí sinh Huỳnh Nhất L) vì chênh lệch điểm giữa 02 giám

khảo trên 10%, N phát hiện bài thi được viết thêm sau khi N chấm lần 01 (do Trần Văn N đưa cho Huỳnh Nhất L viết thêm trước khi Lê Công H chấm) nhưng không báo cáo, mà vẫn chấm phần viết thêm, nâng từ 70 lên 83.5 điểm; được Lê T tác động chấm lại bài thi E9-27 (thí sinh Hồ Văn P) sau khi T đánh tráo câu 3, N chấm lại nâng từ 50 lên 63 điểm.

Như vậy, hành vi của Trần Văn N, Nguyễn Minh P và Bùi Văn N thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", nhưng do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) là tương xứng với hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với Đặng Thanh H và Nguyễn Thông Minh T:

Đặng Thanh H là Ủy viên Ban chấm thi, đã chấm nâng điểm theo tác động của Lê T bài thi E1-61 từ 69,5 lên 82,5 điểm; tác động Nguyễn Thông Minh T chấm nâng điểm bài thi E2-06 từ 50 lên 59 điểm; **Nguyễn Thông Minh T** là Ủy viên Ban chấm thi, đã chấm nâng điểm theo tác động của Trần Văn N bài thi E2-10 từ 35 lên 50 điểm; nâng điểm theo tác động của Đặng Thanh H bài thi E2-06 từ 50 lên 59 điểm;

Như vậy, hành vi của Đặng Thanh H và Nguyễn Thông Minh T cũng thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", nhưng số lượng các bài thi mà các bị cáo chấm nâng điểm ít hơn các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Minh P và Bùi Văn N; đồng thời, các bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt mỗi bị cáo 01 (một) năm tù (mức thấp nhất của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề) là thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với Nguyễn Thị Bạch T:

Nguyễn Thị Bạch T quen biết với Huỳnh P (sinh năm 1981, trú tại Khu phố 3, phường Phú Lâm, thành phố T, tỉnh Phú Yên) là thí sinh dự thi. Trong quá trình chấm thi, T thấy Nguyễn Minh P chấm bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E2-06 chữ viết giống chữ viết của P, T nghĩ là bài thi của P nên nói với P đây là bài thi của một ông anh lớn tuổi làm ở Sở Tư pháp hơn 10 năm, thi nhiều lần không đậu, nhờ P chấm nâng điểm. Vì nể T, P đồng ý nâng từ 50 lên 59 điểm. Sau đó, P nói với T, bài thi T nhờ làm không tốt nên điểm không bằng những thí sinh cạnh tranh khác, thì T nói với P *"Cố gắng giúp ổng",* P nói *"Sẽ cân đối, hạ điểm những thí sinh cạnh tranh khác"*. Do đó, P đã hạ điểm bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E2-04 của thí sinh Lục Thị Bảo T (sinh năm 1993, trú Khu phố Phước Hậu 3, Phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên) từ 61 xuống 57 điểm, hạ điểm trung bình trên Phiếu tổng hợp kết quả điểm giữa hai giám khảo từ 63 xuống 61 điểm. Kết quả Lục Thị Bảo T không trúng tuyển, Huỳnh P không trúng tuyển.

Trần Trung T quen biết với Trần Hoàng D (sinh năm 1986, trú tại Liên Trì 2, Bình Kiến, thành phố T, tỉnh Phú Yên) là thí sinh dự thi. Trong quá trình chấm thi, T thấy bài thi môn Viết chuyên ngành, số phách E17-17 chữ viết giống chữ viết của D. Mặc dù, bài thi làm không đầy đủ như đáp án, nhưng T vẫn chấm điểm như đáp án

được 87,5 điểm. Thấy Nguyễn Thị Bạch T chấm bài thi trên 81,5 điểm, nên T nhờ T chấm lại, vì bài thi của đứa em cùng cơ quan T. Vì nể T, T chấm nâng lên 83,5 điểm (Kết quả chấm thẩm định được 61,65 điểm, giảm 23,85 điểm). Kết quả Trần Hoàng D không trúng tuyển.

Như vậy, Nguyễn Thị Bạch T là Ủy viên Ban chấm thi, T đã tác động Nguyễn Minh P chấm nâng điểm bài thi E2-06 từ 50 lên 59 điểm, chấm hạ điểm bài thi E2-04 từ 61 xuống 57 điểm; trực tiếp chấm nâng điểm theo tác động của Trần Trung trực bài thi E17-17 từ 81,5 lên 83,5 điểm, nhưng khi tác động Nguyễn Minh P chấm nâng điểm, T không có động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân hoặc hứa hẹn sẽ đem lại lợi ích vật chất cho P, mà tự bản thân P nói *"Sẽ cân đối, hạ điểm những thí sinh cạnh tranh khác"*. Ngoài ra, việc tác động chấm nâng điểm và trực tiếp chấm nâng điểm của T, thì kết quả các thí sinh này đều không trúng tuyển, nên chưa gây ra hậu quả; đồng thời, nhân thân bị cáo tốt, lần đầu phạm tội, phạm tội không có yếu tố vụ lợi và hậu quả không nghiêm trọng; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Bộ Tư pháp tặng Bằng khen; cơ quan, đoàn thể tặng nhiều Giấy khen; tại thời điểm phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai và tại thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; có bà cố bên nội, bà ngoại đều là Bà mẹ Việt N anh hùng và có cha, mẹ đẻ đều là Đảng viên, có nhiều thành tích trong công tác, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, n, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với Lê Thị Kim H:

Lê Thị Kim H kháng cáo kêu oan, nhưng bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị được miễn trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội không có yếu tố vụ lợi; bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Bộ Y tế tặng Bằng khen, cơ quan đoàn thể tặng Giấy khen, có mẹ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương và Kỷ niệm chương bị địch bắt tù đầy, nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo là phù hợp. Mặc dù, trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhưng hành vi của bị cáo là xâm phạm đến hoạt động của cơ quan, tổ chức trong tuyển dụng công chức, làm mất uy tín, giảm lòng tin của nhân dân vào nhà nước. Vì vậy, để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo xin miễn hình phạt của bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo (10 bị cáo) đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng chỉ có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Bạch T.

[3]. Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các anh, chị: Nguyễn Ngọc H, Nguyễn V T, Đinh Khắc T, Nguyễn Thị Hà V, Đặng Thị K T, Hoàng Lệ D và Nguyễn Ngọc K N kháng cáo, đều có nội dung đề nghị

hủy bỏ nội dung "Kiến nghị hủy kết quả thi đối với bài thi của mình". Tuy nhiên, quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm đã chứng minh được 38 bài thi bị tác động sửa, nâng, hạ điểm hoặc kết quả giám định kết luận có tô, chọn lại đáp án; trong đó, có 29 bài thi quy kết được trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, 09 bài thi không quy kết được trách nhiệm hình sự, nhưng xác định được đã có sự tác động vào bài thi làm thay đổi kết quả thi và trong 38 bài thi này có các bài thi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên hủy kết quả thi, trong đó có bài thi của các anh, chị Nguyễn Ngọc H, Nguyễn V T, Đinh Khắc T, Nguyễn Thị Hà V, Đặng Thị K T, Hoàng Lệ D và Nguyễn Ngọc K N là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị Thái H, Phạm Văn D, Nguyễn Minh P, Trần Văn N, Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Thông Minh T, Bùi Văn N, Đặng Thanh H và Lê Thị Kim H.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bạch T.

- Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh Nguyễn Ngọc H, Nguyễn V T, Đinh Khắc T; các chị Nguyễn Thị Hà V, Đặng Thị K T, Hoàng Lệ D và Nguyễn Ngọc K N.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 26-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về phần áp dụng pháp luật đối với tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước" và tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước" và phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Bạch T.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1, khoản 4 Điều 337; điểm b, n, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Vũ Thị Thái H 04 (**bốn**) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 (**bốn**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là **08** (tám) năm **06** (sáu)

tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 06-8-2019 đến ngày 07-11-2019).

- Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 337; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạm Văn D 02 **(hai**) năm tù về tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 337; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Ngọc K 01 (**một**) năm 03 (**ba**) tháng tù về tội "Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Minh P, Bùi Văn N, Đặng Thanh H và Nguyễn Thông Minh T; xử phạt:

- Trần Văn N 02 (**hai**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 01-11-2019 đến ngày 28-5-2020).

- Nguyễn Minh P 02 (**hai**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Bùi Văn N 02 (**hai**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07-02-2020 đến ngày 02-8-2020).

- Đặng Thanh H 01 (**một**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Nguyễn Thông Minh T 01 (**một**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Cấm các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Minh P, Bùi Văn N, Đặng Thanh H và Nguyễn Thông Minh T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.5. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm h, n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Thị Bạch T 01 (**một**) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Thị Kim H 09 (**chín**) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Buộc Nguyễn Ngọc K phải nộp 120.000.000 đồng là tiền dùng làm phương tiện phạm tội để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp, theo các Biên lai thu tiền số 0000070 ngày 25-02-2021, số 0000213 ngày 15-3-2021 và số 0000164 ngày 10-3-2022 đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú yên; bị cáo đã nộp đủ số tiền bị tịch thu.

4. Về Kiến nghị sai phạm:

- Giữ nguyên nội dung: Kiến nghị UBND tỉnh Phú Yên hủy kết quả thi tuyển công chức năm 2017-2018 đối với các anh, chị: Nguyễn Ngọc H, Nguyễn V T, Đinh Khắc T, Nguyễn Thị Hà V, Đặng Thị K T, Hoàng Lệ D và Nguyễn Ngọc K N.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Vũ Thị Thái H, Phạm Văn D, Nguyễn Ngọc K, Trần Văn N, Nguyễn Minh P, Bùi Văn N, Đặng Thanh H, Nguyễn Thông Minh T và Lê Thị Kim H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Nguyễn Thị Bạch T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- UBND Phường 1 và Phường 7, thị xã T, tỉnh Phú Yên;
- Các bị cáo kháng cáo (theo địa chỉ);
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường